

Bản án số: 150/2022/HS-PT
Ngày: 23-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 118/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2022/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Văn N, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số nhà 85/1, ấp GB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: nuôi thủy sản, kinh doanh; trình độ **học vấn**: 11/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Lê Văn A và bà Trần Thị R; vợ: Huỳnh Thị G; có 01 con sinh năm 2010; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự (tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 25/QĐ-XPHC ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Công an huyện TP, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, **đã nộp phạt vào ngày 06/4/2020**; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Minh L, sinh năm 1978 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn PT, xã DP, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ **học vấn**: 6/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn L (đã chết) và bà Lê Thị Nh (đã chết); vợ: Tạ Thị Bích Ph (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Trần Văn T, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số nhà H, ấp GB, xã

GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ **học vấn**: 10/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Trần Văn T và bà Trương Thị C; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Ché Văn T và Lê Văn N có mâu thuẫn trong việc vay tiền (T nợ tiền của N). Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19 tháng 6 năm 2020, N đang ngồi uống nước tại quán nước của người tên L ở ấp GB, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre thì T gọi điện thoại nói chuyện về việc vay tiền với N và hai bên xảy ra cãi vã, có lời lẽ thách thức, hẹn gặp nhau tại quán nước của bà Nguyễn Thị Th ở Cồn LG hay còn gọi là VN, ở ấp TT B, xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre để giải quyết mâu thuẫn. Sau khi nói chuyện với T xong, N dùng điện thoại di động gọi cho Trần Văn N thuê xe 07 chỗ của N để đi gặp T. N nói: “Xe cung nay có chở khách không? Chở anh đi công chuyện cái!”. N đồng ý và điều khiển xe ô tô ra trước nhà Đoàn Gia K ở cùng ấp, gần đường rẽ vô nhà N, mở khóa các cửa để khi N đến N có thể vào bên trong xe rồi N vào nhà ông K nằm vờ ngủ đợi N. Đường vô nhà N nhỏ nên xe ô tô không đến nơi được. Trước đó, N cũng thường thuê xe của N để đi chơi hoặc đi đám tiệc.

Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, N đang trên đường về nhà ở số 1, ấp GB, xã GT thì gặp Nguyễn Minh L đang điều khiển xe mô tô di chuyển theo hướng ngược lại nên N rủ L đi biển ở xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre nhậu chơi. L đồng ý nên N bảo L điều khiển xe mô tô đến quán nước của bà L đợi N. N về nhà chuẩn bị 05 đoạn tuýp sắt, 01 cây vũ ba khúc, 01 gậy bóng chày dùng bao (loại bao bì đựng lúa gạo) quần lại rồi điều khiển xe mô tô ra nhà ông K, bảo L lên xe rồi kêu N ra điều khiển xe ô tô đi biển nhậu. Đến đoạn đường rẽ vô nhà của N, N bảo N dừng xe để N vào nhà có công việc. Khi đó, L vẫn ngồi ở hàng ghế giữa trên xe, N ra tiệm tạp hóa cách xe ô tô đang đỗ khoảng 20m để mua nước uống. N đi vào trong nhà mang hung khí ra mở cốp xe bỏ vào và đóng cốp lại rồi lên xe ngồi. L nghe tiếng đóng cốp xe nhưng không biết ai đóng cốp và bỏ gì vào trong cốp. Sau đó N lên xe và điều khiển xe đi. Khi xe di chuyển gần đến chợ GT thì N thấy Thái Văn Th đang điều khiển xe mô tô di chuyển theo hướng ngược lại nên rủ Th đi biển nhậu chơi. Th đồng ý nên điều khiển xe mô tô chạy theo N. Khi đến ấp GH, xã GT, Th gửi xe mô tô ở tiệm sửa xe của Lương Văn K rồi lên xe ô tô. N thấy K và Thái Hoàng S đang ở tiệm sửa xe của K nên rủ K và S đi biển chơi. K và S đồng ý nên lên xe ô tô đi cùng N. Khi xe di chuyển thêm được khoảng 50m, ngang nhà của Trần Minh Đ, N thấy có Đ và Lê Bé R đang ở trước nhà nên rủ cả hai đi biển chơi. Nghe vậy, Đ và R đồng ý nên lên xe đi cùng. Xe di chuyển một đoạn khoảng 300m, N thấy Trần Văn T đang ngồi uống nước trong quán nước của người tên Ti nên rủ T đi biển chơi. T đồng ý nên lên xe ô tô đi cùng.

Khi xe ô tô đang trên đường đi xuống biển, gần đến khu vực Ngã ba MT (địa phận giáp ranh giữa xã TH và xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre), Chế Văn T gọi điện thoại di động cho N. N và T tiếp tục xảy ra cãi vã và hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. N tắt điện thoại và quay sang nói với N: “Bây giờ cũng đừng chạy ra biển mà cũng chạy ra chỗ ngã ba đường ra Cồn LG, chỗ cây tổng đài, anh gặp thằng này có công chuyện chút!”. N nghe N nói vậy nên điều khiển xe đi đến địa điểm N vừa nói. Xe đi được một đoạn gần đến Cồn LG thì N nói với những người đang có mặt trên xe: “Bây giờ có một đũa nó thiếu tiền của tui mà nó không trả, điện gặp nó thì nó đòi chém đòi giết, giở tui ra gặp nó để nói chuyện phải quấy với nó, nếu nó nói chuyện đàng hoàng thì thôi, còn nếu nó nói chuyện không đàng hoàng, nó chơi mình thì mình chơi luôn!”. N đang tập trung lái xe và trên xe có bật nhạc nên không nghe N đang nói gì, những người còn lại trên xe nghe N nói, biết là N vừa xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc với người khác (không biết là ai), qua Cồn LG gặp người đó có thể xảy ra đánh nhau, tuy không muốn tham gia giúp N gây thương tích cho người khác nhưng do xe đang chạy không thể xuống xe nên tất cả đều im lặng.

Khoảng 17 giờ cùng ngày thì đến nơi. Do không biết chỗ nên N điều khiển xe chạy qua quán nước của bà Nguyễn Thị Th ở ấp Thạnh Thới B, xã TH một đoạn khoảng 40m thì N phát hiện có T bên trong quán nước nên kêu dừng xe. N dừng xe, mở khóa các cửa. N tự mở cửa xe và một mình đi vào trong quán. Vào bên trong quán, N vừa gặp T thì bị T dùng dao và mở lết tấn công. N chạy ra, mở cốp xe lấy 01 cây túy sắt chạy vào bên trong quán. Lúc này, N và những người còn lại trên xe mới phát hiện là có hung khí trong cốp xe. T, K, L ngồi ở hàng ghế giữa nên xuống xe trước. Nhìn thấy N chạy ra lấy túy sắt ở cốp xe chạy vào bên trong quán, L và T cũng ra cốp xe mỗi người lấy 01 túy sắt. L và T chạy nhanh theo N vào bên trong quán để phụ N đánh nhau. K định chạy theo can ngăn nhưng sợ trong quán nước có đông người xông ra đánh luôn cả K nên đến cốp xe lấy 01 cây vũ ba khúc đi đến hiện trường nhưng không vào bên trong quán mà đứng bên ngoài đường nhựa, cách nơi xảy ra đánh nhau khoảng 06m. Th, S, R và Đ đang ngồi ở hàng ghế sau cùng của xe ô tô nên xuống sau. Thấy N, T, L cầm hung khí chạy hướng vào bên trong quán, K đứng ngoài đường nhựa, không biết bên trong quán có bao nhiêu người, đã diễn ra sự việc gì, muốn vào can ngăn đánh nhau nhưng sợ bị đuổi đánh do đi cùng N nên S, Th lại chỗ cốp xe mỗi người lấy 01 cây túy sắt, R cầm 01 cây gậy bóng chày đi đến hiện trường. Riêng Đ không cầm hung khí mà đứng ở gần xe ô tô, cũng không dám đến để tham gia can ngăn. Ở bên trong quán nước, N chạy vào dùng túy sắt đánh nhau với T. T dùng dao (chủ quán dùng để chặt dừa trái bán cho khách) và mở lết đánh N làm rơi túy sắt N đang cầm. L chạy đến, thấy N bị rơi túy sắt, T đang dùng dao tấn công N nên nhảy vào ôm giữ T lại và đẩy T không cho T đến gần N. T xông vào dùng túy sắt đánh 01 cái vào người T. Bị ôm lại, T dùng dao chém 01 cái trúng đầu của L (khi đó L đang đội mũ lưỡi trai hay còn gọi là nón kết). N thấy vậy nên giật lấy túy sắt trên tay L đánh vào tay T làm rơi dao T đang cầm. N nhặt dao chém nhiều cái vào

người T. Thấy L và T đều bị thương, chảy nhiều máu, N hô lớn: “Đổ máu rồi, đừng đánh nữa! Rút!”. N vứt bỏ con dao và 02 tuýp sắt tại hiện trường. L và T nghe thấy nên cùng N chạy ngược trở ra xe. K vừa đến cách nơi đánh nhau khoảng 06m thì thấy bên trong đã xảy ra đánh nhau, chưa kịp vào can ngăn thì nghe N bảo quay trở ra xe nên cũng chạy quay ngược trở ra xe. Th, S và R đang đi chưa tới nơi đánh nhau thì thấy N, L, T, K đã chạy trở ra nên cũng quay ngược trở ra xe. Đang thấy vậy cũng lên xe rồi cả nhóm rời khỏi hiện trường đi theo hướng xã An Điền về để về lại xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. T đuổi theo, nhặt dao dùng để chặt nước đá, vỏ chai bia, tuýp sắt rơi tại hiện trường ném về phía xe của nhóm Lê Văn N nhưng không trúng ai. T bị thương, được đưa đến Trung tâm y tế huyện TP và Bệnh viện NĐC tỉnh Bến Tre cấp cứu và điều trị. Nguyễn Minh L bị chấn thương vùng đầu được đưa đến Trạm y tế xã AQ sơ cứu rồi chuyển đến Bệnh viện đa khoa MĐ Bến Tre điều trị.

Ngay sau khi xảy ra sự việc, lực lượng chức năng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, truy tìm, triệu tập các bên để làm việc và thu giữ vật chứng trong vụ việc. Qua đó, đã thu giữ 02 dấu vết màu nâu đỏ nghi máu tại hai vị trí được đánh số 4, 5 trên hiện trường. Ngoài ra không tìm thấy hung khí gây án nào khác ở hiện trường. Nhóm của Lê Văn N đã tự nguyện giao nộp: 01 đoạn tuýp bằng kim loại màu xám, hình trụ tròn, dài 70cm, hai đầu có đường kính bằng nhau là 10,5cm mỗi đầu (phi 34); 01 đoạn tuýp bằng kim loại màu trắng sáng, hình trụ tròn, dài 35cm, hai đầu có đường kính bằng nhau là 8,5cm mỗi đầu (thường gọi là ti của phuộc xe mô tô); 01 đoạn tuýp bằng kim loại màu xám, hình trụ tròn, dài 81cm, hai đầu có đường kính bằng nhau là 8,5cm, mỗi đầu có hàn cố định 01 con tán dài 2,5cm (phi 27); 01 cây vũ ba khúc màu trắng sáng, cán được bọc nhựa màu đen, có đường kính 09cm, khi mở dài 62cm, khi thu lại dài 23cm, trên thân có chữ JSV Certified; 01 gậy đánh bóng chày bằng kim loại màu đen, dài 70,5cm, nơi to nhất có đường kính 16cm, nhỏ nhất có đường kính 8,5cm được gắn liền 01 đế tròn có đường kính 15cm.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 860/GCN – TTYT ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Công văn số 1612/TTYT – KN ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm Y tế huyện TP, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Chế Văn T như sau: vết thương vành tai phải đứt rời dài 02cm; vết thương sau tai phải dài 03cm, sâu 0,5cm; vết thương ngón I bàn tay trái mặt lưng dài 02cm, sâu 0,5cm; vết thương ngón II bàn tay trái mặt lưng dài 2,5cm, sâu 0,5cm; vết thương 1/3 dưới mặt trước cẳng tay phải dài 05cm, sâu đến xương trụ phải; gãy hở 1/3 dưới xương trụ phải. Các vết thương bờ sắc gọn.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 000316/2020/CN ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Chế Văn T như sau: vết thương mặt sau cẳng tay phải 04cm x 03cm, đứt gân duỗi cổ tay trụ, lộ xương gãy; bàn tay trái có 02 vết thương dài lần lượt là 01cm, 02cm, đã

khâu; vết thương vành tai phải 01cm đã khâu; vết thương vùng cằm phải kích thước 03cm đã khâu; CT đầu không tụ máu nội sọ; Xquang: gãy 1/3 dưới xương trụ phải.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, T có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Lê Văn N cùng đồng phạm và yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Tuy nhiên, đến ngày 09 và 10 tháng 9 năm 2020, T lại có đơn từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N. Từ đó, T không phối hợp với Cơ quan điều tra, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt nhiều lần không lý do. Ngày 18 tháng 12 năm 2020, Cơ quan điều tra tìm được T và đưa đi giám định tại Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 323-1220/TgT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho Chế Văn T là 15%. Cơ chế hình thành vết thương do vật sắc nhọn gây ra.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, Lê Văn N có đơn xin yêu cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích đối với Chế Văn T. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 101/21/TgT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Viện pháp y Quốc gia – Phân Viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của Chế Văn T là 15%; các thương tích trên người của Chế Văn T do vật sắc tác động trực tiếp gây ra.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 830/CN – BVMD ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Bệnh viện đa khoa MD Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích lúc vào viện của Nguyễn Minh L như sau: vết thương đầu đã khâu dài khoảng 04cm. Chụp cắt lớp vi tính sọ não không thấy tụ máu nội sọ, không thấy gãy xương hộp sọ trên phim. Ngày 05 tháng 7 năm 2020, L có đơn xin từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Chế Văn T.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, giữa Chế Văn T và Lê Văn N đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại với số tiền 180.000.000 đồng. Chế Văn T đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù; Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 09 (chín) tháng tù. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17,

Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14/10/2022 các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Khi áp dụng hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo N 01 năm tù, bị cáo L và T cùng mức hình phạt 09 tháng tù. Hình phạt đối với các bị cáo là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh L 09 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 tháng tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lời nói sau cùng: Bị cáo N yêu cầu được hưởng án treo, để chăm lo gia đình; Bị cáo L cho rằng, do gia đình đơn chiết, anh bị bệnh tâm thần yêu cầu được hưởng án treo; Bị cáo T yêu cầu được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và các chứng cứ đã được thu thập, có cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc vay tiền, khoảng 17 giờ ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại ấp TT B, xã TH, huyện TP, tỉnh Bến Tre, Lê Văn N, Nguyễn Minh L và Trần Văn T đã xảy ra xô xát, đánh nhau với Chế Văn T. Khi đó, L xông vào ôm và xô đẩy với T tạo điều kiện cho N dùng dao chém nhiều cái vào người của T và T dùng tuýp sắt đánh 01 cái trúng vào người của T. Hậu quả làm T bị nhiều thương tích ở vùng đầu, tai phải và hai tay. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho Chế Văn T là 15%.

Đối với L và T biết được ý định của N từ lúc N nói trên xe *“Bây giờ có một đũa nó thiếu tiền của tui mà nó không trả, điện gặp nó thì nó đòi chém đòi giết, giờ tui ra gặp nó để nói chuyện phải quấy với nó, nếu nó nói chuyện đàng hoàng thì thôi, còn nếu nó nói chuyện không đàng hoàng, nó chơi mình thì mình chơi luôn”*, khi cả hai nhìn thấy N lấy hung khí, cùng lấy hung khí, cùng vào nơi đánh nhau và cùng thực hiện hành vi đối Chế Văn T (L cho rằng vào đẩy T ra để làm giảm tác hại cho N, T dùng tuýp sắt đánh vào lưng Chế Văn T để bênh vực Lê Văn N), hành vi của N, L và T thể hiện tính cách xem thường sức khỏe của người khác.

Xét nguyên N, xuất phát từ việc từ việc vay nợ và có lời lẽ cự cãi nhau qua điện thoại, bị cáo N tìm đến để gây thương tích cho bị hại, còn theo bị hại có lời khai cho rằng bị tấn công trước.

Với ý thức, hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T phạm *“Tội cố ý gây thương tích”* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 *“Dùng hung khí nguy hiểm”* và *“Có tính chất côn đồ”*) Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt tù Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như sau: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha, mẹ lớn tuổi (sinh năm 1963), có con còn nhỏ; bị cáo L cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình, sống cùng người anh mất năng lực hành vi (vì cha mẹ

đã mất, bị cáo đã ly hôn vợ) cần bị cáo chăm sóc; bị cáo T cho rằng bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha, mẹ lớn tuổi (cùng sinh năm 1953, có bệnh). Các tình tiết các bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo N có một tiền sự về hành vi đánh bạc chưa được xoá tiền sự, trong vụ án bị cáo N là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại, là người chuẩn bị hung khí, lên kế hoạch ngay từ đầu, nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo L và T là phù hợp. Xét mức hình phạt đối với bị cáo N là 01 năm tù, bị cáo L và T cùng mức 09 tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố và không cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 63/2022/HSST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Lê Văn N** 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh L** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.3. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Văn T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội: Bị cáo Lê Văn N, Nguyễn Minh L, Trần Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân huyện Thạnh Phú (9b);
- VKSND huyện Thạnh Phú (1b);
- Công an huyện Thạnh Phú (1b);
- Bị cáo (3b);
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú (1b);
- UBND xã GT, h. TP (1b);
- UBND xã DP, huyện DK, tỉnh Khánh Hòa (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tỉnh